

Bản án số: **71/2019/HS-ST**
Ngày: 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Miên.

Ông Tạ Văn Khách

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Xuân Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 và ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hồng V - sinh năm: 1972, tại: Quảng Ninh. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V Nam; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Ông Phạm Minh L (Đã chết); Họ và tên mẹ: Bà Đỗ Thị H (Đã chết); Bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo có vợ là bà Phạm Thị T, sinh năm: 1975 và có 02 người con, người con lớn, sinh năm 1995, người con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**** Nguyên đơn dân sự:***

Chi Cục Thuế khu vực P – B – P thuộc Cục Thuế tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chi cục phó, Chi Cục Thuế khu vực P – B – P thuộc Cục Thuế tỉnh Bình Phước;

Địa chỉ: TT. Hành chính, P. L TX. P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) xây dựng Hồng V do Phạm Hồng V làm chủ doanh nghiệp có trụ sở tại địa chỉ: Thôn 1, xã Long Bình, huyện Phú Riềng. Doanh nghiệp hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3800308462 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 26/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/01/2010. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). DNTN Hồng V đăng ký kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế tại Chi Cục thuế huyện B từ năm 2005 đến năm 2015 và Chi cục thuế huyện P từ năm 2015 đến năm 2017.

Từ tháng 12/2010 đến tháng 09/2017, DNTN xây dựng Hồng V ký hợp đồng thi công xây dựng 72 công trình với các chủ đầu tư là UBND các xã, các Nông trường Cao su, các trường học trên địa bàn huyện B và huyện P với tổng giá trị xây lắp được thanh toán trước thuế là 6.524.706.033 đồng, nhưng doanh nghiệp chỉ xuất 70 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho 70 công trình với tổng giá trị xây lắp chưa thuế là 5.976.741.562 đồng, còn lại 02 công trình (Công trình lát đường nhựa vào trường học L tháng 12/2010 và công trình xây dựng trường Tiểu học LA vào tháng 12/2012) doanh nghiệp không xuất hóa đơn cho chủ đầu tư, với tổng giá trị xây lắp chưa thuế của hai công trình là 547.964.471 đồng. Trong số 70 liên hóa đơn GTGT mà doanh nghiệp đã xuất cho các chủ đầu tư có 10 liên hóa đơn GTGT không còn giá trị sử dụng theo thông báo số 102/TB-CT ngày 27/11/2015 của Chi cục thuế huyện P với tổng giá trị xây lắp chưa thuế là 962.665.265 đồng, còn lại 60 liên hóa đơn với tổng giá trị xây lắp chưa thuế là 5.014.076.297 đồng do doanh nghiệp tự in nhưng không thông báo phát hành hóa đơn với cơ quan thuế.

Quá trình thi công và quyết toán công trình từ tháng 12/2010 đến 9/2017, DNTN xây dựng Hồng V không thực hiện ghi chép sổ sách kế toán; không lập báo cáo tài chính hàng năm; hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra không lập phiếu nhập kho, xuất kho; không lập phiếu chi, phiếu thu tiền khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ. Đồng thời doanh nghiệp không kê khai nộp thuế mà sử dụng số tiền thuế GTGT trên vào mục đích cá nhân số tiền 652.470. 603 đồng.

Ngày 27/11/2015, Chi cục thuế huyện Phú Riềng ra thông báo số: 102/TB-CT về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh đối với DNTN xây dựng Hồng V, theo đó những hóa đơn không còn giá trị sử dụng, gồm: Hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu 38AC/11P từ số 0069701 đến số 006975. Đến

ngày 07/9/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước ra QĐ số: 11535/17 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với DNTN Hồng V.

Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu 38AC/11P từ số 0069701 đến số 0069750 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000001 đến số 0000050 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000051 đến số 00000100 (bản chính); 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế DNTN số 3800308462; 01 giấy Quyết định thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 11535/17;

- 15 tập hồ sơ các công trình do DNTN xây dựng Hồng V thi công xây lắp; 01 dấu mộc của DNTN Hồng V và 01 dấu mộc của DNTN xây dựng Hồng V.

Ngày 28/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước ra Quyết định trưng cầu giám định số 24/QĐ-PC03 đối với Cục thuế tỉnh Bình Phước và Chi cục thuế huyện Phú Riềng về việc giám định tài chính kế toán tại DNTN xây dựng Hồng V từ năm 2010 đến năm 2017.

Tại bản Kết luận giám định số 857/KL - CT ngày 01/4/2019 của Cục Thuế Bình Phước về tài chính, kế toán tại DNTN Hồng V kết luận: DNTN Hồng V đã có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, vi phạm về hóa đơn tròn số thuế phải nộp từ năm 2010 đến tháng 9/2017 là 673.252.138 đồng, trong đó, thuế GTGT là 652.470.603 đồng và thuế TNDN là 20.781.535 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu 38AC/11P từ số 0069701 đến số 0069750 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000001 đến số 0000050 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000051 đến số 00000100 (bản chính); 15 tập hồ sơ các công trình do DNTN xây dựng Hồng V thi công xây lắp thu giữ trong quá trình điều tra là những tài liệu liên quan đến vụ án nên được đánh số bút lục từ 01 đến 508 đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 dấu mộc của DNTN xây dựng Hồng V; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế DNTN số 3800308462; 01 giấy Quyết định thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 11535/17 đã thu giữ là vật dụng và giấy tờ cá nhân nên cần thiết trả lại cho V.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Hồng V sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khắc phục hậu quả với số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự; Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; mục IV, phần B thông tư số 61/2007/TT-BTC

ngày 14/06/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế buộc Phạm Hồng V phải nộp số tiền còn lại là 323.252.138 đồng cho nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số: 63/CTr-VKS ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phạm Hồng V về tội “Trốn thuế” theo khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự:

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Phú Riềng giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hồng V phạm tội “Trốn Thuế”; Căn cứ: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm b khoản 2 Điều 200; Điều 50; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Phạm Hồng V mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật; đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn dân sự Chi Cục Thuế khu vực P– B – P thuộc Cục Thuế tỉnh Bình Phước đề nghị truy thu số tiền bị cáo trốn thuế 673.252.138 đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và tài liệu có trong hồ sơ. Xác định được từ tháng 10/ 2010 đến tháng

9/2017, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hồng V ký hợp đồng thi công 72 công trình với các chủ đầu tư là UBND các xã, các Nông trường Cao su, các trường học trên địa bàn huyện B và huyện P với tổng giá trị xây lắp được thanh toán trước thuế là 6.524.706.033. Quá trình thi công và quyết toán công trình từ tháng 12/2010 đến 9/2017, DNTN xây dựng Hồng V không thực hiện ghi chép sổ sách kế toán; không lập báo cáo tài chính hàng năm; hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra không lập phiếu nhập kho, xuất kho; không lập phiếu chi, phiếu thu tiền khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ. Đồng thời doanh nghiệp không kê khai nộp thuế mà sử dụng số tiền thuế GTGT và thuế TNDN trên vào mục đích cá nhân.

Bị cáo Phạm Hồng V là giám đốc, đồng thời là chủ DNTN xây dựng Hồng V hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) từ năm 2007 đến năm 2017. Bị cáo V hoàn toàn có nhận thức và hiểu biết về quyền hạn và trách nhiệm của chủ doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, bị cáo V vẫn thực hiện hành vi không thực hiện ghi chép sổ sách kế toán; không lập báo cáo tài chính hàng năm, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, không kê khai thuế, nộp thuế theo quy định nhằm trốn thuế của nhà nước với số tiền thuế 673.252.138 đồng, trong đó, thuế GTGT là 652.470.603 đồng và thuế TNDN là 20.781.535 đồng.

Bị cáo V có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Phạm Hồng V phạm tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999: “Phạm tội trốn thuế với số tiền từ sáu trăm triệu đồng trở lên hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Tuy nhiên, số tiền trốn thuế của bị cáo chỉ đủ yếu tố định khung theo quy định khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử xác định hành vi Trốn thuế của Phạm Hồng V vi phạm điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã kịp thời nộp lại phần lớn số tiền trốn thuế nhằm khắc phục phần nào thiệt hại do mình gây ra. Cụ thể: Bị cáo V đã nộp lại tổng số tiền 350.000.000 đồng trên tổng số tiền 673.252.138 đồng trốn thuế.

Bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ và xét thấy các bị cáo V có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các quy định mà pháp luật cấm; chưa bị kết án hoặc bị xử lý vi phạm hành chính, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về cho chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu 38AC/11P từ số 0069701 đến số 0069750 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000001 đến số 0000050 (bản chính); 01 cuốn hóa đơn GTGT ký hiệu HV/12P từ số 0000051 đến số 00000100 (bản chính); 15 tập hồ sơ các công trình do DNTN xây dựng Hồng V thi công xây lắp thu giữ trong quá trình điều tra là những tài liệu liên quan đến vụ án nên được đánh số bút lục từ 01 đến 508 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế DNTN số 3800308462; 01 giấy Quyết định thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 11535/17 đã thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án; đây là những tài liệu chứng cứ, chứng minh tội phạm làm căn cứ truy tố, xét xử nên được lưu giữ theo hồ sơ vụ án và HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 dấu mộc của DNTN xây dựng Hồng V đã bị thu giữ, do DNTN Hồng V đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên cần giao con dấu cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền thuế trốn là 673.252.138 đ, Chi Cục Thuế khu vực Phước Long – Bù Gia Mập – Phú Riềng thuộc Cục Thuế tỉnh Bình Phước đề nghị truy thu số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Nguyên đơn dân sự là có căn cứ được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bị cáo V nộp lại số tiền 673.252.138 đ cho Chi Cục Thuế khu vực P – B – P để nộp vào ngân sách nhà nước. (Trong đó có số tiền 350.000.0000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Phú Riềng theo biên lai thu tiền số 010863 ngày

18/10/2019 và biên lai thu tiền số 010867 ngày 26/11/2019). Bị cáo V phải tiếp tục nộp số tiền 323.252.138 đồng trốn thuế chưa khắc phục được cho Chi Cục Thuế khu vực P – B – P để nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy Doanh Nghiệp của bị cáo V đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh và không còn hoạt động, hiện nay bị cáo chỉ là người làm công ăn lương theo thời vụ, thu nhập không ổn định, mặt khác bị cáo đã nộp lại phần lớn số tiền trốn thuế. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] *Về án phí*: Bị cáo Phạm Hồng V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Hồng V phạm tội “ Trốn thuế ”.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Phạm Hồng V 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (29/11/2019).

Giao Phạm Hồng V cho UBND xã Long Bình, huyện Phú Riêng, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 BLHS đối với bị cáo Phạm Hồng V.

2. *Về biện pháp tu pháp*: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Phạm Hồng V nộp lại số tiền 673.252.138 đ (Sáu trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn một trăm ba mươi tám đồng) cho Chi Cục Thuế khu vực P – B – P để nộp vào ngân sách nhà nước. (Trong đó có số tiền 350.000.0000 đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Phú Riêng theo biên lai thu tiền số 010863 ngày 18/10/2019 và biên lai thu tiền số 010867 ngày 26/11/2019). Bị cáo V phải tiếp tục nộp số tiền 323.252.138 đ (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn một trăm ba mươi tám đồng) trốn thuế chưa khắc phục được, cho Chi Cục

Thuế khu vực Phước Long – Bù Gia Mập – Phú Riềng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015:

- Giao 01 con dấu mộc của DNTN xây dựng Hồng V cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Phạm Hồng V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh